

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 316/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 636/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm 1987; thường trú: xóm D P, phường V, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 462/40/7 N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1982; thường trú: xóm D P, phường V, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 462/40/7 N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên uống rượu, cờ bạc và đánh đập bà T. Bà T có làm đơn yêu cầu ly hôn 02 lần, mới nộp thủ tục ly hôn, Tòa án chưa thụ lý thì bà T rút lại đơn vì bà thương các con. Đến năm 2025, ông T1 ép buộc bà phải về quê chung sống và phụng dưỡng cha mẹ chồng, còn ông T1 ở trong miền nam làm ăn sinh sống. Tuy nhiên, sau khi chung sống cùng với cha mẹ chồng, do cha chồng khó tính dẫn đến mâu thuẫn cha chồng với nàng dâu. Ông T1 biết sự việc rồi dùng những lời lẽ xúc phạm, đánh đập và đuổi bà T ra khỏi nhà. Hiện bà T đã dọn ra ngoài ở riêng. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Công Nhật A, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 22/6/2016. Bà T tình yêu C sau ly hôn, con chung Nguyễn Công Nhật A sẽ do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, còn chung Nguyễn Tường V sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, cháu Nguyễn Công N Anh đang sinh sống cùng với ông T1, còn cháu Nguyễn Tường V đang sinh sống cùng với bà T. Bà T đang thuê nhà trọ để sinh sống và bà làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 12 triệu đồng. Do làm nghề tự do nên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thu thập hàng tháng của mình.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông T1 thống nhất phần trình bày của bà T về việc vợ chồng có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn.

Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên uống rượu, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến

cãi nhau, đánh nhau và bà T có làm đơn yêu cầu ly hôn, sau đó bà T lại rút đơn về. Đến năm 2025, vợ chồng thống nhất để bà T về quê sinh sống và chăm sóc cha mẹ ông T1. Quá trình sống chung với cha mẹ chồng thì phát sinh mâu thuẫn giữa cha chồng với nàng dâu. Ông T1 biết được sự việc nên có nói với bà T “*nếu không ở được thì rút đi*” dẫn đến bà T dọn ra ngoài ở riêng. Nay, ông T1 xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Công Nhật A, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 22/6/2016. Ông T1 không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T1 yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, cháu Nguyễn Công N Anh đang sinh sống cùng với ông T1, còn cháu Nguyễn Tường V đang sinh sống cùng với bà T. Ông T1 đang thuê nhà trọ để sinh sống và làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 20 triệu đồng. Do làm nghề tự do nên ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thu thập hàng tháng của mình.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân và con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Ông Nguyễn Công T1 đang cư trú tại 4 N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T:

[3.1] Bà T tình yêu C ly hôn với ông T1. Ông T1 không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An) vào ngày 07/5/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2009, quyển số 02 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ và bền vững, gia đình là nơi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng chăm lo cho tương lai con cái. Tuy nhiên, theo phần trình bày của bà T và ông T1 đều xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T1 thường xuyên uống rượu, vợ chồng cãi nhau và đánh nhau dẫn đến bà T làm đơn yêu cầu ly hôn nhiều lần. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống của ông bà đã có những mâu thuẫn mà chính bản thân ông bà không thể tự hàn gắn được dẫn đến bà T nhiều lần yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn

với ông T1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Bà Tình yêu C sau ly hôn con chung là cháu Nguyễn Công Nhật A sẽ do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung là cháu Nguyễn Tường V sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Còn ông T1 có ý kiến, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung.

Xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện ông T1 và bà T đều thuê nhà trọ để sinh sống, cả hai đều làm nghề tự do, thu thập hàng tháng chỉ dựa trên phần trình bày của các bên, không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Tường V là con gái đang sinh sống cùng với bà T, còn cháu Nguyễn Công Nhật A là con trai đang sinh sống cùng với ông T1. Như vậy, về điều kiện nơi ở và kinh tế của bà T và ông T1 là bằng nhau, đồng thời tránh việc làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con và phù hợp với sự giáo dục về giới tính. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Tường V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung là cháu Nhật A sẽ do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: bà T và ông T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà T và ông T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Công T1.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

- Về con chung: buộc ông Nguyễn Công T1 có trách nhiệm giao con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 22/6/2016 cho bà Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm giao con chung là cháu Nguyễn Công Nhật A, sinh ngày 12/02/2010 cho ông Nguyễn Công T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039472 ngày 22/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

